

Số:436/TB-THCSTQT

Uông Bí, ngày 21 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ
Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập
theo quy định học kỳ I năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 Về việc thành lập các trường mầm non, tiểu học, THCS thuộc UBND phường Ưông Bí tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ Quyết định số 431/QĐ-THCSTQT ngày 16/10/2025 của Trường THCS Trần Quốc Toản về việc thành lập tổ thẩm định phê duyệt hồ sơ các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định Học kỳ I năm học 2025 -2026.

Căn cứ vào biên bản thẩm định hồ sơ số 432/BB-THCSTQT ngày 18/10/2025 của Trường THCS Trần Quốc Toản về việc thẩm định hồ sơ các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định học kỳ I năm học 2025 -2026.

Hôm nay, hồi 8giờ 30 phút ngày 21 tháng 10 năm 2025 Trường THCS Trần Quốc Toản thông báo kết quả thẩm định hồ sơ các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo quy định học kỳ I năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

I. Chỉ đạo và tiếp nhận hồ sơ:

Đầu năm học nhà trường đã triển khai tới toàn thể CBGVNV nhà trường về Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu Giáo viên chủ nhiệm rà soát và triển khai tới toàn thể phụ huynh và học sinh của lớp về quy định và đối tượng được hưởng hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2025 -2026

Sau khi triển khai văn bản trường THCS Trần Quốc Toản đã tiếp nhận hồ sơ của các lớp đề nghị hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2025 -2026 : 23 hồ sơ (19 hồ sơ trẻ khuyết tật; 01hộ nghèo; 03 hồ sơ trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng đnag hưởng trợ cấp hàng tháng)

II. Kết quả thẩm định

Tổ thẩm định hồ sơ đã tiến hành xem xét, kiểm tra từng hồ sơ của các đối tượng. Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định về thủ tục, điều kiện đối với đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập. Tổ thẩm định hồ sơ đã thẩm định toàn bộ 23 hồ sơ trong đó có **23 hồ sơ** đạt yêu cầu được hưởng hỗ trợ cụ thể như sau:



- Theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính Phủ: **20**
- + Hồ sơ đạt: 20 hồ sơ.
- + Hồ sơ không đạt: 0 hồ sơ.
- Theo Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh: **03**
- + Hồ sơ đạt: 03 hồ sơ.
- + Hồ sơ không đạt: 0 hồ sơ.

(Có danh sách kết quả thẩm định kèm theo)

Trên đây là thông báo kết quả thẩm định hồ sơ các đối tượng được hưởng chính sách hỗ chi phí học tập theo quy định Học kỳ I năm học 2025-2026 . Trường THCS Trần Quốc Toàn thông báo để toàn thể CB-GV-NV, phụ huynh và học sinh của trường THCS Trần Quốc Toàn được biết./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quốc Phong





KẾT QUẢ THĂM ĐỊNH HỒ SƠ CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026
Theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính Phủ và Nghị quyết/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh
(Kèm theo Thông Báo số 436/TB-THCSTQT ngày 21/10/2025 của trường THCS Trần Quốc Toàn)

ĐVT : Đồng

TT	Họ và tên học sinh	Năm sinh	Lớp	Đối tượng được hưởng chính sách		Số tháng được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ/tháng	Tổng tiền hỗ trợ	Trong đó		Phê duyệt		Ghi chú (Ghi rõ đối tượng)
				Theo Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Theo Nghị định số 238/2025/ND-CP				Theo Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Theo Nghị định số 238/2025/ND-CP	Đạt	Không đạt	
TỔNG CỘNG:23 đối													
1	Phạm Đăng Hùng	09/04/2014	6A3		Điều 17 khoản 2	4	150.000	13.800.000 600.000	1.800.000	12.000.000 600.000	23		KT trị tuế nhẹ, mở côi cha mẹ
2	Nguyễn Phúc Lộc	04/6/2014	6A3	Điều 2, khoản k		4	150.000	600.000	600.000		1		Gia đình khó khăn bố mẹ khuyết tật, được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng
3	Dương Đại Thành	01/11/2014	6A4		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		Thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng
4	Phạm Trần Tiến Đạt	11/10/2012	7A1		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		KT trị tuế nhẹ
5	Bàn Thị Thu Hằng	22/06/2013	7A1		Điều 17 khoản 3	4	150.000	600.000		600.000	1		Hở Ngheo
6	Đoàn Phúc Thái An	13/08/2013	7A2		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		Trí tuệ, thần kinh nhẹ
7	Nguyễn Lê Bảo An	05/02/2013	7A4		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		Kt khác nhẹ
8	Mai Đức Huy	26/12/2012	7A7		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		Tâm thần nặng
9	Nguyễn Khắc Phong	14/10/2013	7A7		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		KT trị tuế nhẹ
10	Đào Tuấn Anh	30/12/2012	8A3		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		KT trị tuế nhẹ
11	Lê Viết Cường	07/7/2012	8A5		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		KT trị tuế nhẹ
12	Trần Ngọc Minh Thư	16/9/2009	8A5		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		Vận động, nhìn, trí tuệ nặng
13	Đoàn Việt Anh	25/4/2011	8A6		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		KT trị tuế nhẹ
14	Vũ Thị Ngọc Vân	11/10/2011	8A7		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		KT trị tuế nhẹ
15	Phạm Thị Hải Yến	02/8/2012	8A11	Điều 2, khoản k		4	150.000	600.000	600.000		1		Trẻ e mắt nguồn nuôi dưỡng, bỏ mẹ ly hôn có giấy xác nhận bỏ nuôi con, Bỏ khuyết tật; con có QĐ được hưởng trợ cấp hàng tháng.
16	Bùi Đỗ Tuấn Quang	10/1/2011	9A2		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		KT trị tuế mức độ nhẹ
17	Vũ Đức Ngọc Đông	30/3/2009	9A2		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		KT trị tuế mức độ nhẹ
18	Đào Ngọc Tiên	02/6/2011	9A4		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		KT vận động thể nặng
19	Trần Phạm Khánh Huyền	09/05/2009	9A4		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		KT nặng do bệnh mắc bệnh hiểm nghèo U ác tính ở não
20	Phạm Văn Bình	18/5/2009	9A6		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		KT trị tuế mức độ nhẹ
21	Lê Hà Mỹ	01/03/2011	9A7	Điều 2, khoản l, điểm k		4	150.000	600.000	600.000		1		Trẻ e mắt nguồn nuôi dưỡng đang được hưởng hỗ trợ hàng tháng
22	Nguyễn Như Bảo Nam	19/9/2011	9A8		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		KT trị tuế mức độ nặng
23	Phạm Tuấn Anh	03/11/2010	9A9		Điều 17 khoản 2	4	150.000	600.000		600.000	1		KT trị tuế mức độ nhẹ

(Danh sách gồm có 23 đối tượng)